

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

### 1. Thông tin chung về trường

#### 1.1. Thông tin chung

Trường Đại học Hùng Vương thành lập theo Quyết định số 81/2003/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Phú Thọ. Sứ mạng của Trường Đại học Hùng Vương là trường đại học đa ngành, đa cấp, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao; một trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ và khu vực.

Là trường đại học công lập đa ngành, đa cấp đầu tiên trên quê hương Đất Tổ, Trường Đại học Hùng Vương được kế thừa và phát triển trên nền tảng truyền thống hơn 40 năm của trường CĐSP Phú Thọ. Ngay từ những ngày đầu thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, Nhà trường đã tập trung triển khai hàng loạt các nhiệm vụ quan trọng như đầu tư phát triển đội ngũ có trình độ cao ở trong nước và nước ngoài, xây dựng cơ sở vật chất của trường tại thành phố Việt Trì, đầu tư trang thiết bị cho dạy - học và nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, mở rộng các loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Với sự quyết tâm của tập thể cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường và bằng các giải pháp cụ thể, chất lượng đào tạo của nhà trường đã được xã hội thừa nhận, uy tín và vị thế của Nhà trường từng bước được nâng lên.

Trong những năm qua, Trường Đại học Hùng Vương đã có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ của tỉnh Phú Thọ và các tỉnh trong khu vực. Việc thành lập trường đại học trên quê hương Đất Tổ là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, đó cũng là minh chứng về sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự quyết tâm của Đảng bộ tỉnh Phú Thọ đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ và các tỉnh trong khu vực.

Hiện nay, nhà trường đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp thuộc các khối ngành: Sư phạm, Công nghệ, Xã hội – Văn hóa – Du lịch, Kinh tế, Ngoại ngữ, Nông Lâm Nghiệp. Năm 2017, Nhà trường tuyển sinh đào tạo 02 mã ngành sau đại học, 30 mã ngành đại học; 02 mã ngành cao đẳng; 01 mã ngành Trung cấp chuyên nghiệp. Hiện tại, quy mô đào tạo các hệ của nhà trường là 7.465 sinh viên<sup>1</sup> tại 02 cơ sở:

- **Cơ sở thành phố Việt Trì:** Phường Nông Trang - TP. Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

<sup>1</sup> Đại học: 6.829; Cao đẳng: 327; Trung cấp: 237; Sau đại học: 72 – Số liệu báo cáo 31/12/2016

- **Cơ sở thị xã Phú Thọ:** Phường Hùng Vương -TX. Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ website: **www.hvu.edu.vn**.

Số điện thoại tư vấn, hỗ trợ tuyển sinh: **(02103) 821 970, 993 369, 820 042;**

Email: **bants.thv@moet.edu.vn, info@hvu.edu.vn**

## **1.2. Quy mô đào tạo**

Trường Đại học Hùng Vương đã thực hiện phát triển quy mô đào tạo gắn với mô hình xây dựng tổ chức nhà trường hợp lý, hiệu quả. Chú trọng phát huy ngành nghề đào tạo mang tính truyền thống và có thế mạnh của nhà trường, đồng thời phát triển các ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương nhất là những ngành phù hợp với định hướng phát triển kinh tế và các khâu đột phá của tỉnh Phú Thọ và khu vực.

Quy mô đào tạo các hệ của nhà trường là 7.465 sinh viên, trong đó Đại học: 6.829; Cao đẳng: 327; Trung cấp: 237; Sau đại học: 72. Cụ thể quy mô đào tạo theo nhóm ngành như sau:

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại (đến 31/12/2016)							
	Sau đại học		Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp	
	GDCQ	GDTX	GDCQ	GDTX	GDCQ	GDTX	GDCQ	GDTX
Nhóm ngành I	39		2050	2871	309		237	
Nhóm ngành III			733	128	9			
Nhóm ngành V			469		9			
Nhóm ngành VII	33		578					
<b>Tổng cộng</b>	<b>72</b>		<b>3830</b>	<b>2999</b>	<b>327</b>		<b>237</b>	

## **1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất**

### **1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất**

Năm 2015 và năm 2016, Trường Đại học Hùng Vương thực hiện xây dựng đề án tuyển sinh riêng trên cơ sở quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề án tuyển sinh riêng của trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, phê duyệt cho thực hiện. Cụ thể nhà trường đã thực hiện các phương thức tuyển sinh sau đây:

(1). Sử dụng kết quả Kỳ thi THPT quốc gia do các trường đại học chủ trì (cụm thi đại học) để xét tuyển với tổ hợp các môn thi đạt ngưỡng xét tuyển theo quy định.

(2). Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm lớp 12 đạt khá trở lên, có điểm các môn học THPT theo các tổ hợp đạt ngưỡng xét tuyển theo quy định.

(3). Xét tuyển các môn văn hóa (điểm thi THPT quốc gia hoặc điểm các môn học THPT) kết hợp với thi tuyển các môn năng khiếu đối với các ngành đại học Giáo dục Mầm non, đại học Giáo dục Thể chất, ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mỹ thuật và cao đẳng Giáo dục Mầm non.

### 1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

- Đối với kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia, điểm trúng tuyển nguyện vọng 1 các ngành như sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp xét	Năm 2015			Năm 2016		
				Chi tiêu	Số TT nhập học	Điểm trúng tuyển	Chi tiêu	Số TT nhập học	Điểm trúng tuyển
<b>I. Hệ đại học chính quy</b>									
<b>Nhóm ngành I</b>									
1	52140209	Sư phạm Toán học	A00, A01, D07	450	63	16.5	460	34	15.0
2		Sư phạm Toán học (Toán - Lý)	A00, A01, D07		20	15.0		Không Tuyển	
3	52140217	Sư phạm Ngữ văn	C00, D14, D15		61	18.0		31	15.0
4	52140231	Sư phạm Tiếng Anh <sup>2</sup>	D01		62	16.25		23	20.0
			D14, D15			16.75			
5	52140202	Giáo dục Tiểu học	A00, A01, D01		131	18.0		84	16.0
			C00			20.0			
6	52140211	Sư phạm Vật lý	A00, A01, A04, C01		10	15.0		8	15.0
7	52140212	Sư phạm Hoá học	A00, B00, C02, D07		15	15.0		3	15.0
8	52140213	Sư phạm Sinh học	A02, B00, B03, D08		17	15.0		4	15.0
9	52140219	Sư phạm Địa lý	C00, C04, C13, D15	Không Tuyển		16	15.0		
10	52140218	Sư phạm Lịch sử (Sử - GDCD)	C00, C03, C12, D14	66	15.0	9	15.0		
<b>Nhóm ngành III</b>									
11	52340301	Kế toán	A00, A01, B00, D01	960	103	15.0	305	118	15.0
12	52340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, B00, D01		12	15.0		28	15.0
13	52340201	Tài chính – Ngân hàng	A00, A01, B00, D01		16	15.0		17	15.0
14	52340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00, C13, D01, D15		20	15.0		8	15.0
<b>Nhóm ngành V</b>									
15	52620110	Khoa học cây trồng	A00, A01, B00, D08	960	7	15.0	300	5	15.0
16	52620105	Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y)	A00, A01, B00, D08		22	15.0		22	15.0
17	52640101	Thú y	A00, A01, B00, D08		34	15.0		55	15.0
18	52510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00, A01, C01, D01		22	15.0		9	15.0
19	52510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	A00, A01, C01, D01		7	15.0		5	15.0
20	52480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, C01, D01		23	15.0		20	15.0
21	52620115	Kinh tế nông nghiệp	A00, A01, B00, D01		4	15.0		4	15.0
<b>Nhóm ngành VII</b>									
22	52310101	Kinh tế (Kinh tế đầu tư)	A00, A01, B00, D01	Không Tuyển		295	5	15.0	
23	52220341	Hướng dẫn viên du lịch	C00, C13, D01, D15	7	15.0		Không Tuyển		
24	52760101	Công tác xã hội	C00, C13, D01, D15	63	15.0		13	15.0	
25	52220113	Việt Nam học	C00, C13, D01, D15	6	15.0		Không Tuyển		

<sup>2</sup> Điểm môn Tiếng Anh năm 2016 tính hệ số 2

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp xét	Năm 2015			Năm 2016						
				Chi tiêu	Số TT nhập học	Điểm trúng tuyển	Chi tiêu	Số TT nhập học	Điểm trúng tuyển				
26	52220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01, D04, D14, D15		40	15.0		28	15.0				
27	52220201	Ngôn ngữ Anh	A01, D01, D14, D15		56	15.0		39	15.0				
<b>II. Hệ cao đẳng</b>													
<b>Nhóm ngành I</b>													
1	51140202	Giáo dục Tiểu học	A00, A01, C00, D01	180	49	12.0	80	14	10.0				
2	51140209	Sư phạm Toán học	A00, A01, B00, D07		3	12.0							
3	51140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01, D14, D15		8	12.0							
4	51140218	Sư phạm Lịch sử	C00, D14		2	12.0							
<b>Nhóm ngành III</b>													
5	51340301	Kế toán	A00, A01, B00, D01		3	12.0				Không tuyển			
6	51340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, B00, D01		2	12.0							
<b>Nhóm ngành VII</b>													
7	51480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, C01, D01	1	12.0								

- Đối với các ngành năng khiếu (trường tổ chức thi năng khiếu), điểm trúng tuyển nguyện vọng 1 các ngành như sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp xét	Năm 2015			Năm 2016		
				Chi tiêu	Số TT nhập học	Điểm trúng tuyển	Chi tiêu	Số TT nhập học	Điểm trúng tuyển
<b>I. Hệ đại học chính quy</b>									
<b>Nhóm ngành I</b>									
1	52140201	Giáo dục Mầm non <sup>3</sup>	M00	190	111	21.25	170	108	26.0
2	52140206	Giáo dục Thể chất	T00		10	24.0		7	24.0
3	52140221	Sư phạm Âm nhạc	N00		15	24.0		8	24.0
4	52140222	Sư phạm Mỹ thuật	H00		2	24.0		Không Tuyển	
<b>II. Hệ cao đẳng</b>									
<b>Nhóm ngành I</b>									
1	51140201	Giáo dục Mầm non	M00	50	74	19.5	80	30	20.0

- Đối với thí sinh sử dụng điểm các môn học THPT để xét tuyển:

+ Năm 2015, điểm trúng tuyển (tổng điểm 3 môn chưa tính ưu tiên) đối với hệ đại học đạt 18 trở lên, hệ cao đẳng đạt 16.5 trở lên.

+ Năm 2016, điểm trúng tuyển (tổng điểm 2 học kỳ lớp 12 của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển chưa tính điểm ưu tiên) đạt 36,0 trở lên đối với bậc đại học

## 2. Các thông tin tuyển sinh năm 2017

### 2.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đủ điều kiện theo quy định tại Điều 6, Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

<sup>3</sup> Năm 2016, điểm năng khiếu tính hệ số 2.

## 2.2. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Hùng Vương tuyển sinh các thí sinh thuộc các vùng như sau:

- Các ngành đại học sư phạm (ĐHSP): Tuyển các thí sinh có hộ khẩu thường trú thuộc các tỉnh: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Hà Tây (cũ), Hòa Bình, Lai Châu.

- Các ngành ngoài sư phạm: Tuyển sinh trong cả nước.

- Các ngành cao đẳng sư phạm (CĐSP): Tuyển các thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Phú Thọ.

## 2.3. Phương thức tuyển sinh

Năm 2017, Trường Đại học Hùng Vương thực hiện tuyển sinh nhiều đợt trong năm và sử dụng các phương thức tuyển sinh sau:

(1). Sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển với tổ hợp các môn thi thành phần của các bài thi để xét tuyển vào các ngành theo quy định.

(2). Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT.

(3). Xét tuyển điểm thi các môn thành phần của các bài thi THPT quốc gia hoặc điểm học tập các môn học ở cấp THPT kết hợp thi tuyển môn năng khiếu đối với các ngành đại học Giáo dục Mầm non, đại học Giáo dục Thể chất, ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mỹ thuật và cao đẳng Giáo dục Mầm non.

## 2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến, tổ hợp môn xét tuyển

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn, bài thi xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến
<b>Các ngành đào tạo đại học</b>			<b>865</b>
<b>Nhóm ngành I</b>			<b>390</b>
Sư phạm Toán học	52140209	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Hóa, Tiếng Anh (D07) 4. Toán, Hóa, Sinh (B00)	270
Sư phạm Ngữ Văn	52140217	1. Văn, Sử, Địa (C00) 2. Văn, Sử, Tiếng Anh (D14) 3. Văn, Địa, Tiếng Anh (D15) 4. Văn, Sử, GDCD (C19)	
Sư phạm Tiếng Anh	52140231	1. Tiếng Anh, Văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Văn, Địa (D15) 3. Tiếng Anh, Văn, Sử (D14) 4. Tiếng Anh, Văn, Lý (D11)	
Giáo dục Tiểu học	52140202	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Văn, Anh (D01) 3. Văn, Sử, GDCD (C19) 4. Văn, Sử, Địa (C00)	

Sư phạm Vật lý	52140211	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Lý, Văn (C01) 4. Toán, Hóa, Sinh (B00)	
Sư phạm Hóa học	52140212	1. Toán, Hóa, Lý (A00) 2. Toán, Hóa, Tiếng Anh (D07) 3. Toán, Hóa, Văn (C02) 4. Toán, Hóa, Sinh (B00)	
Sư phạm Sinh học	52140213	1. Toán, Sinh, Hóa (B00) 2. Toán, Sinh, Lý (A02) 3. Toán, Sinh, Tiếng Anh (D08) 4. Toán, Sinh, Văn (B03)	
Sư phạm Địa lý	52140219	1. Văn, Địa, Sử (C00) 2. Văn, Địa, Tiếng Anh (D15) 3. Văn, Địa, Toán (C04) 4. Văn, Địa, GDCD (C20)	
Sư phạm Sử - GDCD	52140218	1. Văn, Sử, Địa (C00) 2. Văn, Sử, Tiếng Anh (D14) 3. Văn, Sử, Toán (C03) 4. Văn, Sử, GDCD (C19)	
Giáo dục Mầm non (*)	52140201	Văn, Toán, thi năng khiếu (M00) <i>Năng khiếu hệ số 2 gồm: Kể chuyện, đọc diễn cảm; Hát.</i>	120
Giáo dục Thể chất (*)	52140206	Toán, Sinh, thi năng khiếu (T00) <i>Năng khiếu hệ số 2 gồm: Bật xa tại chỗ; Chạy 100m.</i>	
Sư phạm Âm nhạc (*)	52140221	Văn, Năng khiếu thâm âm tiết tấu, Năng khiếu thanh nhạc (N00) <i>Năng khiếu thanh nhạc hệ số 2.</i>	
Sư phạm Mỹ Thuật (*)	52140222	Văn, Năng khiếu vẽ màu, Năng khiếu hình họa (H00) <i>Năng khiếu hình họa hệ số 2.</i>	
<b>Nhóm ngành III</b>			<b>130</b>
Kế toán	52340301	1. Toán, Lý, Hóa (A00)	130
Quản trị kinh doanh	52340101	2. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	
Tài chính – Ngân hàng	52340201	3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	52340103	1. Văn, Sử, Địa (C00) 2. Văn, Toán, Tiếng Anh (D01) 3. Văn, Địa, GDCD (C20) 4. Văn, Địa, Tiếng Anh (D15)	
<b>Nhóm ngành V</b>			<b>180</b>
Khoa học Cây trồng	52620110	1. Toán, Lý, Hóa (A00)	180
Chăn nuôi (Chăn nuôi-Thú y)	52620105	2. Toán, Sinh, Tiếng Anh (D08)	
Thú y	52640101	3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Hóa, Tiếng Anh (D07)	

Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	52510301	1. Toán, Lý, Hóa (A00)	
Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	52510201	2. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	
Công nghệ Thông tin	52480201	3. Toán, Lý, Văn (C01) 4. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	
Kinh tế Nông nghiệp	52620115	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) 3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	
<b>Nhóm ngành VII</b>			<b>165</b>
Hướng dẫn viên du lịch	52220341	1. Văn, Sử, Địa (C00)	165
Công tác Xã hội	52760101	2. Văn, Toán, Tiếng Anh (D01)	
Việt Nam học	52220113	3. Văn, Địa, GDCD (C20) 4. Văn, Địa, Tiếng Anh (D15)	
Ngôn ngữ Trung Quốc	52220204	1. Tiếng Anh, Văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Văn, Sử (D14) 3. Tiếng Anh, Văn, Địa (D15) 4. Tiếng Trung, Văn, Toán (D04)	
Ngôn ngữ Anh	52220201	1. Tiếng Anh, Văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Văn, Sử (D14) 3. Tiếng Anh, Văn, Địa (D15) 4. Tiếng Anh, Văn, Lý (D11)	
Kinh tế (Kinh tế đầu tư)	52310101	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) 3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	
<b>Đào tạo cao đẳng:</b>			<b>100</b>
<b>Nhóm ngành I</b>			<b>100</b>
Giáo dục Tiểu học	51140202	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Văn, Anh (D01) 3. Văn, Sử, GDCD (C19) 4. Văn, Sử, Địa (C00)	50
Giáo dục Mầm non (*)	51140201	Văn, Toán, thi năng khiếu (M00) <i>Năng khiếu hệ số 2 gồm: Kể chuyện, đọc diễn cảm; Hát.</i>	50

- Đối với các ngành đại học, cao đẳng thuộc nhóm ngành I (trừ các ngành có dấu (\*)): Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2017. Đối với các ngành đại học, cao đẳng thuộc nhóm ngành I còn lại: Thi năng khiếu kết hợp xét tuyển điểm học tập các môn văn hóa ở THPT hoặc điểm thi THPT quốc gia.

- Đối với các ngành đại học thuộc nhóm ngành III, V, VII: Xét tuyển kết quả học tập các môn học THPT hoặc xét tuyển kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2017.

## **2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT**

### **2.5.1. Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2017**

Kết quả thi của tổ hợp các môn xét tuyển chưa nhân hệ số, đã tính điểm ưu tiên theo quy định hiện hành đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

### *2.5.2. Xét tuyển kết quả học tập các môn học THPT*

Tổng điểm 2 học kỳ lớp 12 của 3 môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển (chưa tính điểm ưu tiên) đạt 36,0 trở lên đối với bậc đại học. Điểm ưu tiên được cộng với tổng điểm trung bình các môn để xét trúng tuyển. Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng được thực hiện theo quy định ưu tiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### *2.5.3. Thi năng khiếu kết hợp xét tuyển điểm học tập các môn văn hóa ở THPT hoặc điểm thi THPT quốc gia*

- Thi tuyển môn năng khiếu và xét tuyển kết quả điểm các môn văn hóa lớp 12 ở THPT hoặc kết quả thi THPT quốc gia năm 2017 theo tổ hợp môn xét tuyển.

- Điểm trung bình của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển (gồm cả môn thi năng khiếu đã nhân hệ số) đạt 6,0 trở lên đối với bậc đại học. Điểm ưu tiên được cộng với tổng điểm các môn đã nhân hệ số để xét trúng tuyển. Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng được thực hiện theo quy định ưu tiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục thể chất điểm môn năng khiếu tính hệ số 2. Ngành sư phạm Âm nhạc điểm môn Thanh nhạc hệ số 2, môn Thẩm âm tiết tấu hệ số 1. Ngành sư phạm Mỹ thuật điểm môn Hình họa hệ số 2, môn Vẽ màu hệ số 1.

### **2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường**

- Mã số tuyển sinh của trường: **THV**

- Đối với các ngành sử dụng nhiều tổ hợp các môn thi xét tuyển, Nhà trường dành ít nhất 50% chỉ tiêu của ngành đó để xét tuyển theo tổ hợp các môn theo khối thi truyền thống và không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp. Riêng ngành Giáo dục Tiểu học xét tuyển theo hai nhóm (nhóm 1: A00, D01; nhóm 2: C00, C19) với tổng điểm bằng nhau cho các tổ hợp trong cùng một nhóm sao cho đảm bảo các tổ hợp truyền thống tuyển không dưới 50%. Nhà trường không sử dụng điều kiện phụ trong xét tuyển.

- Địa chỉ nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Hùng Vương:

Cơ sở TP. Việt Trì – Phường Nông Trang – TP. Việt Trì – tỉnh Phú Thọ.

Cơ sở TX. Phú Thọ - Phường Hùng Vương - TX. Phú Thọ - tỉnh Phú Thọ.

- Website: [hvu.edu.vn](http://hvu.edu.vn). Số điện thoại liên hệ: (02103) 993 369; 821 970.

- Có đủ ký túc xá cho sinh viên trúng tuyển nhập học.

### **2.7. Tổ chức tuyển sinh**

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh nhiều đợt trong năm. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký thi, xét tuyển thực hiện theo quy định Bộ Giáo dục & Đào tạo và thông báo tuyển sinh của trường.

- Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức đăng ký xét tuyển sau:

+ Trực tiếp tại trường.

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ nộp hồ sơ xét tuyển).



+ Đăng ký trực tuyến qua hệ thống quản lý thi quốc gia của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo hoặc biểu mẫu của trường.

### **2.8. Chính sách ưu tiên, tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển**

Thực hiện theo quy định Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quy chế tuyển sinh hiện hành.

### **2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển;**

Thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

### **2.10. Học phí**

- Các ngành đào tạo giáo viên (Nhóm ngành I) : Miễn học phí.

- Các ngành đào tạo khác: Thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo, của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

## **3. Thông tin về các Điều kiện đảm bảo chất lượng**

### **3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

Diện tích đất của nhà trường: 66,66ha (trong đó, cơ sở Việt Trì: 59,82ha, cơ sở thị xã Phú Thọ 6,84ha); công tác xây dựng, quy hoạch phát triển nhà trường đang thực hiện theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 6 năm 2015 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu trường Đại học Hùng Vương, thành phố Việt Trì, tỷ lệ 1/2000.

- Hội trường: 6 hội trường, tổng diện tích 4.950m<sup>2</sup>, số chỗ ngồi 2098 chỗ.

- Phòng làm việc: 144 phòng; tổng diện tích 15.338m<sup>2</sup>, trang thiết bị làm việc đầy đủ đáp ứng yêu cầu làm việc của các bộ phận chức năng.

- Giảng đường: Số phòng học lý thuyết 86 phòng, có 4.528m<sup>2</sup>.

- Phòng thí nghiệm thực hành<sup>4</sup>: 40 phòng; diện tích 5.983m<sup>2</sup>.

- Phòng máy vi tính: 11 phòng, 254 máy, diện tích 1.465m<sup>2</sup>.

- Phòng học ngoại ngữ: 3 phòng, diện tích 213m<sup>2</sup>, số máy tính 102 máy.

- Thư viện: Diện tích 3.200m<sup>2</sup> gồm 2 phòng thư viện điện tử, 4 phòng đọc, 201 máy tính kết nối mạng internet.

- Khu ký túc xá: Tổng số phòng 353 phòng, diện tích 21.330m<sup>2</sup>, tổng số chỗ ở 2824 chỗ.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý thư viện điện tử quản lý trên 8000 đầu tài liệu, trên 130.000 bản sách. Hệ thống giúp quản lý tài liệu, quản lý bạn đọc, phục vụ công tác mượn trả tài liệu trên máy tính thông qua đầu đọc mã vạch. Hiện tại, nhờ vào việc ứng dụng CNTT mà thư viện nhà trường đã số hóa được trên 4500 tài liệu số.

---

<sup>4</sup> Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và Giáo trình tài liệu xem thêm tại Phụ lục 1.

Về cơ bản cơ sở vật chất của nhà trường hiện tại cơ bản đáp ứng được yêu cầu đối với việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học hiện nay.

### **3.2. Thực hiện quy chế 3 công khai, cam kết chuẩn đầu ra**

Căn cứ quy chế 3 công khai, ban hành kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm nhà trường đã thực hiện 3 công khai gồm các nội dung sau:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.
- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.
- Công khai thu chi tài chính.

Các nội dung trên hằng năm nhà trường đều báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường cũng như tại Thư viện, bảng công khai thông tin tại hai cơ sở để mọi người quan tâm được biết.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và công bố chuẩn đầu ra, đến nay Trường Đại học Hùng Vương đã tổ chức xây dựng và công bố chuẩn đầu ra 34 ngành đào tạo đại học và 16 ngành đào tạo cao đẳng và đã công khai trên Website, thư viện nhà trường và tại các khoa quản lý ngành đào tạo.

Để có thể thực hiện chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo như cam kết, trong năm học nhà trường đã thực hiện:

- Khảo sát ngoại ngữ đầu vào cho sinh viên năm thứ nhất, cho học bổ sung đối với sinh viên chưa đạt yêu cầu.

- Mời các chuyên gia, các nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên, các giáo viên dạy giỏi về dạy mẫu cũng như trao đổi kinh nghiệm và đưa sinh viên đi thực tế tại các cơ sở sản xuất để sinh viên có thể hiểu và tiếp cận với thực tiễn cũng như tổ chức thi tay nghề cho sinh viên dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Đánh giá năng lực chuyên môn đáp ứng chuẩn đầu ra các ngành ngoài sư phạm.

- Thông tin xem thêm tại: <http://www.hvu.edu.vn/tin-tuc/cong-khai.hvu>.

### **3.3. Công tác khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục**

Trường Đại học Hùng Vương có bộ phận chuyên trách công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng. Trong 5 năm qua nhà trường đã tổ chức tốt công tác khảo thí từ khâu đánh giá trong tuyển sinh đến đánh giá trong suốt quá trình đào tạo, không có hiện tượng tiêu cực xảy ra. Các hình thức kiểm tra, đánh giá theo xu hướng đổi mới chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đánh giá năng lực người học. Nhà trường đã xây dựng bộ đề thi của các học phần, bộ đề này được rà soát, bổ sung hằng năm để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong thi cử và bao quát được nội dung, yêu cầu của môn học.

Công tác kiểm định chất lượng, nhà trường đã hoàn thành Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường đại học ngay từ năm 2008 và nộp Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, được dự án giáo dục đại học 2 phần biện đợt 1. Các năm tiếp theo

nhà trường tiếp tục củng cố, duy trì, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và rà soát cập nhật báo cáo tự đánh giá.

Năm 2016, nhà trường đã tổ chức rà soát lại tổng thể báo cáo tự đánh giá theo hiện trạng công tác đảm bảo chất lượng hiện nay của nhà trường và nộp Cục Khảo thí và KCĐCLGD, sau đó đăng ký đánh giá ngoài với Trung tâm KCĐCLGD thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam trong quý 3 năm 2017.

Bên cạnh đó nhà trường quan tâm đến tự đánh giá chương trình đào tạo đối với các ngành có sinh viên tốt nghiệp theo quy định để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

### **3.4. Đội ngũ, giảng viên cơ hữu**

Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức là nhân tố quyết định sự phát triển của nhà trường. Chính vì vậy, việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Trường Đại học Hùng Vương luôn được coi trọng và đặt lên hàng đầu. Nhà trường chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức theo hướng chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu của trường Đại học theo định hướng ứng dụng.

Tính đến ngày 10/02/2017, tổng số giảng viên, công nhân viên nhà trường là 456 người, trong đó:

- Biên chế là 377 người (chiếm 82,7%);
- Tổng số giảng viên cơ hữu<sup>5</sup> là: 311 người; (Tiên sĩ: 61, trong đó có 09 PGS; Thạc sĩ: 213, trong đó có 62 người đang làm nghiên cứu sinh; Đại học: 37, trong đó có 27 người đang học thạc sỹ).
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiên sĩ trở lên của trường chiếm 19,6%.

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục tạo mọi điều kiện, động viên, hỗ trợ, xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ. Bám sát chủ trương của Đảng và Nhà nước, thu hút người có trình độ cao về công tác, giảng dạy tại trường.

## **4. Lộ trình và cam kết của Trường**

### **4.1. Lộ trình**

- Năm 2017, Trường Đại học Hùng Vương tiếp tục tổ chức tuyển sinh theo đề án tuyển sinh riêng của trường trên cơ sở bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung đề án tuyển sinh năm 2016 đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt cho thực hiện.

- Rút kinh nghiệm công tác tổ chức tuyển sinh năm 2017, trường sẽ đưa ra các điều chỉnh cần thiết đối với các năm tiếp theo.

### **4.2. Cam kết**

- Tổ chức tuyển sinh theo đúng Quy chế và dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

---

<sup>5</sup> Danh sách giảng viên cơ hữu xem tại Phụ lục 2

- Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh. Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm Quy chế.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi tối đa cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan và chống mọi hiện tượng tiêu cực.

- Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh, đào tạo của trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời; kết thúc kỳ tuyển sinh năm 2017, Trường tiến hành tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**PHÊ DUYỆT CỦA  
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS. TS. Cao Văn**